TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HS-ST.
Ngày: 13-3-2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Ngọc Duy– Giáo viên trường trung học cơ sở Long Thành - huyện Long Thành

+ Bà Nguyễn Thị Thanh – Cán bộ hưu trí

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Linh Phương- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Trần Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, Toà án nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và người làm chứng; Điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện L gồm: Bị cáo, cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Hữu Q. Tên gọi khác: Không có; Giới tính: N; Sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Thuận; Thường trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nơi sinh sống hiện nay: Không có chỗ ở rõ ràng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Họ và tên cha: Võ Văn D, sinh năm 1945 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1954; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1983 đã ly hôn và có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; Hiện bị cáo sống chung như vợ chồng với một người phụ nữ tên V và không có con.

Tiền án: Ngày 10/3/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi, ngày 10/01/2023, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong các nghĩa vụ trong bản án.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/10/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội Dâm ô đối với trẻ em, ngày 24/01/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong các nghĩa vụ trong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/11/2023 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện L.

- Bị hại: Cháu Huỳnh Thị Cẩm T, sinh ngày 08/9/2009 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

+ Ông Nguyễn Chí C, sinh năm: 1984 (cha bị hại – vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị V1, sinh năm: 1984 (mẹ bị hại – vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường A, thành phố B, Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Nguyễn Thị Hoài T1– Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Lê Quốc V2, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thiền viện P, ấp T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 26/11/2023, Võ Hữu Q đi cùng vợ chồng anh Nguyễn Chí C và chị Huỳnh Thị V1, cháu Huỳnh Thị Cẩm T (con anh C – chị V1) cùng cư trú tại nhà trọ: Ấp D, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai và anh Lê Quốc V2 đi đến N, ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mục đích để nhận quà từ thiện. Khi đi và về thì anh C chở chị V2, còn bị cáo Q dùng xe môtô biển kiểm soát: 86B1-350.96 chở cháu Huỳnh Thị Cẩm T, đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, Q chở cháu T về đến phòng trọ, tại ấp D, xã T trước anh C, chị V1. Khi về đến nhà trọ, Q nói cháu T đi lên gác phòng trọ của Q lau dọn để đem quà (gạo) lên trên cất giữ, lúc này, Q thấy cháu T ở độ tuổi mới lớn và cha mẹ cháu T chưa về nên Q nảy sinh ý định "dâm ô" với cháu T. Khi T đang lau sàn trên gác, Q tiến lại gần cháu T và dùng hai tay ôm cháu T từ phía sau trong tư thế chéo tay từ trên vai xuống và dùng tay sờ, bóp vào ngực của cháu T từ bên ngoài áo, tay phải Quang sờ, bóp ngực trái của T, còn tay trái sờ bóp ngực phải của T, cháu T vùng vẫy và bị ngã ra gác. Lúc này, có tiếng xe máy trước cửa phòng trọ, do lo sợ bị phát hiện nên Q nói sẽ cho T số tiền 250.000 đồng và yêu cầu không được nói cho ba, mẹ T biết. Khi đi xuống bậc thang, Q đưa cho cháu T số tiền 250.000 đồng. Khi cháu T ra ngoài phòng trọ thì anh Lê Quốc V2 gặp cháu T và cháu T kể lại việc bị Q đè xuống nên anh V2 đến Công an xã T trình báo toàn bộ sự việc. Đến 20 giờ cùng ngày, Q nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đến Công an xã T để đầu thú.

- Tang vật tạm giữ: Số tiền 250.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Huỳnh Thị Cẩm T và đại diện hợp pháp của cháu T không yêu cầu bồi thường dân sự và làm đơn bãi nại cho bị cáo Võ Hữu Q.

Quá trình điều tra, bị cáo Võ Hữu Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSLT ngày 30/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Võ Hữu Q về tội "Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi" theo khoản 1 Điều 246 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 146, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Hữu Q từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 tháng tháng tù giam.

Về dân sự đề nghị không xem xét do đại diện hợp pháp bị hại không yêu cầu.

- Ý kiến của bà Nguyễn Thị Hoài T1 – trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

+ Tại bản luận cứ bà Nguyễn Thị Hoài T1 thống nhất về tội danh và điều khoản Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo về tội "Dâm ô với người dưới 16 tuổi" theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự.

+ Về Hình Phạt: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị Tòa án xét xử về hành vi này nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội, cho thấy hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức kém, chỉ vì dục vọng thấp hèn của bản thân, bị cáo lại xâm phạm đến tinh thần, nhân phẩm của bị hại... gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, để đảm bảo tính hiệu quả cho công tác đấu tranh ngăn ngừa loại tội phạm xâm phạm tình dục trẻ em và để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, tôi kính mong Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, phía gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định hình phạt cho phù hợp.

+ Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất với ý kiến của đại diện hợp pháp của bị hại, không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không phát biểu tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; Đối với Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có đơn xin vắng mặt và có gửi bài Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại. Xét sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết của vụ án nên hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng và Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, bị cáo Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như phần nội dung vụ án đã được mô tả nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai khác của bị cáo tại Cơ quan Điều tra cùng các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Võ Hữu Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Dâm ô với người dưới 16 tuổi" theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét về tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, tinh thần và quyền được bảo vệ thân thể của bị hại, gây nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và biết việc dâm ô đối với người dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu dục vọng thấp hèn của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi dâm ô đối với bị hại. Mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân xấu và có tiền án về tội này đã bị xử phạt tù nhưng bị cáo không có ý thức sửa chữa, cải tạo tốt mà khi có điều kiện thì tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn thật nghiêm tương xứng với mức độ hành vi bị cáo gây ra nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì và có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 250.000 đồng bị cáo dùng vào việc phạm tội sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 146; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Võ Hữu Q** phạm tội "Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi".

- Xử phạt: Bị cáo **Võ Hữu Q** 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 11 năm 2023 (ngày bắt bị cáo tạm giữ chuyển tạm giam).

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 250.000 đồng bị cáo dùng vào việc phạm tội sung quỹ nhà nước. (Hiện vật chứng được lưu giữ tại Kho bạc nhà nước huyện L theo Quyết định chuyển vật chứng số 31/QĐ-VKS-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành).

4. Về án phí: Bị cáo Võ Hữu Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Võ Hữu Q, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh - Nguyễn Ngọc Duy **Nguyễn Thị Thanh Hà**